

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **63/2024/HNGĐ- ST**

Ngày : 12.11.2024

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Đỗ Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 86/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh D- Văn phòng luật sư P- Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 335 Trần Phú, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Nông Hoàng Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản chung, nợ chung của bị đơn: Ông Nguyễn Lê Huy H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Ma Đa G, huyện Đa H, tỉnh Lâm Đồng.

Chị L, Luật sư D anh Q, ông H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nông Hoàng Q chung sống với nhau từ năm 2008, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm

Đồng ngày 22/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tỉnh Kiên Giang được 01 năm, sau đó chuyển về sinh sống cùng bố mẹ anh Q tại thôn 7, xã Lộc A, huyện B. Do mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 3/2024. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường và không có mâu thuẫn gì giữa vợ, chồng, dâu, con. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu từ kinh tế, ngoài ra từ ngày bố anh Q chết, chị L mâu thuẫn với mẹ anh Q, anh chị em trong nhà. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng xúc phạm vợ, có đánh đập vợ, không còn yêu thương chăm sóc, quan tâm nhau, không có tiếng nói chung để xây dựng gia đình. Anh Q không có trách nhiệm với vợ con, từ khi mẹ con dọn ra ngoài thuê nhà ở thì anh Q không thăm con, không cấp dưỡng nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không hạnh phúc, chị L yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh Q có hai con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012. Nay các con đang ở với chị L ở nhà thuê và đi học bình thường. Chị L đang chăm sóc các con tốt. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L tự thỏa thuận với anh Q và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị L và anh Q có nợ chung của bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990. Địa chỉ: L14-09 đường số 10, khu dân cư An Bình, phường An B, huyện Rạch G, tỉnh Kiên Giang số tiền 112.000.000 đồng, vay là để chi phí mổ tim cho con Nông Hoàng Khánh L1. Nay chưa trả số nợ trên cho bà V1, chị L yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà V1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Thanh D thống nhất như ý kiến của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2024 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nông Hoàng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị L chúng sống với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Sau một thời gian dài chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đã ly thân, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Chị L yêu cầu ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q thừa nhận anh và chị L có hai con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012. Anh Q trình bày ý kiến về giải quyết nuôi dưỡng con chung khi ly hôn không thống nhất, cụ thể như sau: Anh Q yêu cầu được nuôi 01 con chung và đồng ý giao 01 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên họp về chứng cứ, hòa giải vụ án, anh Q trình bày quan điểm tôn trọng ý kiến của con chung, nếu con yêu cầu ở với ai thì giao con cho người đó nuôi dưỡng. Và các

con chung đều yêu cầu được ở với chị L nên anh Q cũng đồng ý giao con, cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng, tuy nhiên anh Q không ký biên bản.

Về tài sản chung: Anh Q tự thỏa thuận với chị L về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q và chị L không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/9/2024 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn. Bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình, về con chung bị đơn trình bày giao con chung là Nông Hoàng Khánh L1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu nuôi con chung là Nông Hoàng Khánh C1, cả hai không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (về phần tài sản chung, nợ chung) trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến: Về tài sản chung anh Q và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung anh Q và chị L không có nợ chung.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị L và bị đơn anh Q được ly hôn. Về con chung cần giao cả 02 con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/ cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật cần buộc chị L, anh Q chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hoàng Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 22/12/2008. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống chủ yếu, ổn định tại thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, cuộc sống hôn nhân bình thường. Tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn do kinh tế,

tình cảm, cuộc sống chung, mối quan hệ với anh em, mẹ chồng con dâu. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân. Chị L và anh Q đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh Q được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai chị L và anh Q, các bản khai sinh của con do chị L xuất trình thì quá trình chung sống cả hai có 02 con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012. Anh Q thừa nhận từ khi ly thân đến nay thì các con đang ở với chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q không đến thăm con, không đưa tiền cho chị L phụ nuôi con.

Hiện nay các con đều học tập tốt, phát triển khỏe mạnh, ổn định tâm lý và đều có nguyện vọng được ở với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, hiện tại chị L có việc làm ổn định tại trường mầm non và buôn bán thêm nên bảo đảm nuôi con. Anh Q trình bày quan điểm là tôn trọng ý kiến của các con, nay anh Q đồng ý giao cháu Loan cho chị L nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi cháu Châu đến khi đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Q trình bày từ năm 2021 đến nay anh Q thất nghiệp, không có việc làm, không có thu nhập ổn định, khoảng dưới 4.000.000 đồng/tháng, đi làm thuê cho mẹ ruột là làm vườn. Nếu giao con cho anh Q nuôi dưỡng thì anh Q sẽ cố gắng làm, xin hỗ trợ từ anh em trong gia đình. Như vậy hiện tại thì điều kiện chị L nuôi con tốt hơn anh Q. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao hai con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ các con 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị L đối với anh Q để đảm bảo nuôi dưỡng cho chung đến khi đủ 18 tuổi với mức 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng. Xét các con chung của chị L và anh Q đều đang ăn học (học trung học cơ sở) nên mức cấp dưỡng trên là phù hợp với pháp luật, tình hình mức sống tại địa phương nên cần xem xét, chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L, anh Q thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày quá trình chung sống chị L và anh Q có nợ chung của bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990. Địa chỉ: L14-09 đường số 10, khu dân cư An Bình, phường An B, huyện Rạch G, tỉnh Kiên Giang số tiền 112.000.000 đồng, vay là để chi phí mổ tim cho con Nông Hoàng Khánh L1. Nay chưa trả số nợ trên cho bà V1. Chị L yêu cầu giải quyết mỗi người phải trả ½ số nợ trên cho bà V1. Anh Q trình bày anh và chị L không có nợ chung, không thừa nhận số nợ của bà V1 là nợ chung, không đồng ý trả. Quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án có triệu tập bà V1 đến để làm việc về khoản nợ trên. Bà V1 trình bày khoảng hè năm 2023 con của chị L, anh Q (cháu Loan) nhập viện tại Thành phố Hồ Chí Minh để mổ tim gấp, chị L cần tiền gấp nên có vay của bà V1 số tiền 112.000.000 đồng, không làm giấy tờ, anh Q biết. Nay số nợ này chị L, anh Q chưa trả cho bà. Bà không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án ly hôn, sau này có tranh chấp bà khởi kiện thành vụ án dân sự khác. Do bà V1 không khởi kiện yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án này nên về nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Nông Hoàng Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nông Hoàng Q về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hoàng Q được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Nông Hoàng Q có nghĩa vụ phải giao hai con chung là Nông Hoàng Khánh L1, sinh ngày 04/6/2009 và Nông Hoàng Khánh C1, sinh ngày 09/3/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nông Hoàng Q tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0006943 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buộc anh Nông Hoàng Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**

